

Số: 460 /TB-TTBVTV-KT

Đồng Nai, ngày 28 tháng 6 năm 2018

THÔNG BÁO

Tình hình sinh vật gây hại 7 ngày

(Từ ngày 21/6 – 27/6/2018)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG

1. Thời tiết trong tuần

- Nhiệt độ: Trung bình: 26,3 – 27,5°C; Cao nhất: 34,5°C; Thấp nhất: 22,3°C.
- Ẩm độ: Trung bình: 85 – 89%; Thấp nhất: 60%.
- Tổng số giờ nắng: 45 – 53 giờ.
- Lượng mưa: 85 – 229 mm.

Thời tiết: Mây thay đổi đến nhiều mây, ngày nắng, trưa chiều mưa vừa đến mưa to nhiều nơi. Các loại cây trồng sinh trưởng và phát triển bình thường.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

Cây lúa: Vụ Hè Thu: Xuống giống 21.953 ha/22.185 ha, đạt 99% DTKH. Lúa đang ở giai đoạn: đẻ nhánh (10.202 ha), làm đòng (11.751).

Các giống chủ yếu OM6976, OM7347, OM6162, OM4900, OM5451, ML214, ML202, IR50404, MTL110...

Cây trồng khác

Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Bắp	Loa kèn, trổ cờ	16.936/20.068
Rau các loại	Các giai đoạn	4.291
Đậu các loại	Các giai đoạn	1.440
Cây có múi	Các giai đoạn	6.936
Chôm chôm	Thu hoạch	10.950
Xoài	Chăm sóc sau thu hoạch	11.534
Chuối	Các giai đoạn	7.306
Sầu riêng	Nuôi trái, thu hoạch	4.051
Tiêu	Ra hoa – trái non	17.087
Điều	Phát triển cành lá	38.888
Cao su (tiểu điền)	Khai thác	14.568
Cà phê	Nuôi trái	17.172

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI (SVH) 7 NGÀY QUA

1. Trên cây lúa: Lúa giai đoạn đẻ nhánh, làm đòng. Các SVH chủ yếu: Bệnh đạo ôn lá DTN 1012 ha tăng 510 ha, bệnh bạc lá (cháy bìa) DTN 377 ha tăng 121 ha, sâu cuốn lá nhỏ DTN 178 ha tăng 22 ha, chuột DTN 130 ha tăng 30 ha.

2. Cây trồng khác

- Cây bắp: SVH chủ yếu là sâu đục thân DTN 73 ha tăng 29 ha, xuất hiện đóm lá nhỏ DTN 25 ha.

- Rau màu: DTN các SVH ở mức nhẹ.

- Cây ăn quả:

+ Cây có múi: Sâu vẽ bùa DTN 286 ha tăng 15 ha, bệnh loét DTN 45 ha tăng 3 ha.

+ Chôm chôm: Rệp sáp DTN 173 ha giảm 7 ha, bệnh thối quả DTN 156 ha tăng 63 ha.

+ Sầu riêng: Bệnh xì mù DTN 413 ha tăng 16 ha, bệnh thối trái DTN 186 ha tăng 28 ha.

+ Xoài: Bệnh thán thư DTN 141 ha tăng 106 ha.

- Cây công nghiệp:

+ Cây tiêu: Bệnh thán thư DTN 1032 ha tăng 64 ha, bệnh chết chậm DTN 873 ha tăng 7 ha, có 4 ha nhiễm nặng, tuyến trùng DTN 529 ha có 4 ha nhiễm nặng.

+ Cây điều: Bệnh nấm hồng DTN 92 ha tăng 2 ha, bệnh thán thư DTN 78 ha giảm 4 ha.

+ Cây mì: Phát hiện bệnh khảm lá virus DTN 6,3 ha trên địa bàn huyện Đình Quán và huyện Trảng Bom.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

Với điều kiện thời tiết và giai đoạn sinh trưởng của các loại cây trồng trong kỳ, cần chú ý các đối tượng SVH sau:

- Cây lúa: Rầy nâu, VL – LXL, đạo ôn lá, bệnh bạc lá, sâu cuốn lá, chuột.

- Cây bắp: Chú ý sâu đục thân, bắp, đóm lá nhỏ.

- Cây rau: Sâu tơ, bọ nhảy, bọ trĩ, dòi đục lá, bệnh sương mai, bệnh thối nhũn.

- Cây ăn quả: Bệnh xì mù, bệnh thối trái, bệnh nấm hồng (sầu riêng); bệnh cháy gôm, bệnh loét (cây có múi); bệnh thán thư, ruồi đục quả (xoài).

- Cây công nghiệp: Bệnh thán thư, tuyến trùng, bệnh chết nhanh, chết chậm (hồ tiêu); bọ xít muỗi, bệnh thán thư (điều); bệnh phấn trắng, nấm hồng (cao su); bệnh khảm lá (mì).

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Khuyến cáo nông dân áp dụng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc phù hợp từng giai đoạn phát triển của cây, thường xuyên thăm đồng phát hiện kịp thời các SVH, xử lý kịp thời.

- Cây lúa: Chú ý theo dõi diễn biến các đối tượng sâu bệnh trên lúa để có biện pháp phòng chống kịp thời. Thực hiện tốt công văn số 154/BVTV-TV, ngày 16/01/2018, về việc tăng cường phòng chống sâu năn, bệnh VL-LXL hại lúa của Cục BVTV.

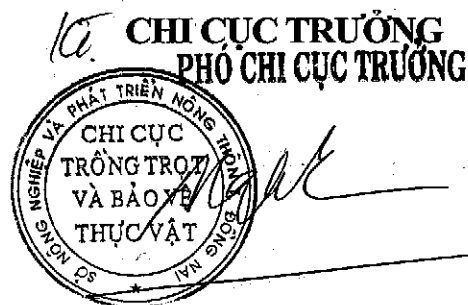
- Cây mì: khuyến cáo nông dân không sử dụng hom giống đã nhiễm bệnh khảm lá, với diện tích bị nhiễm tiến hành khoanh vùng tiêu hủy tránh lây lan sang diện rộng.

- Nam Bộ đang bước vào mùa mưa, diện tích nhiễm các loại bệnh chết nhanh, chết chậm trên hồ tiêu, bệnh thán thư trên điều, bệnh phấn trắng trên cao su... phát sinh phát triển. Cần tuyên truyền, tập huấn cho nông dân cách nhận biết và các biện pháp phòng chống bệnh theo quy trình của Cục BVTV nhằm hạn chế gia tăng diện tích, tỷ lệ bệnh trong thời gian tới.

Các trạm Trồng trọt và BVTV huyện, liên huyện tiếp tục thực hiện thông báo về dự tính, dự báo sâu bệnh hại trên các loại cây trồng; tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp phòng chống sâu bệnh tổng hợp cho nông dân, báo cáo về Chi cục để xem xét chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV phía Nam (Email);
- Sở NN và PTNT (Báo cáo);
- Chi cục trưởng và các Phó Chi cục trưởng (Email);
- Các trạm Trồng trọt và BVTV (Email);
- Phòng quản trị mạng (đăng trang web);
- Lưu: VT, KT.



Nguyễn Công Tú



DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH
(Từ ngày 21/6 đến ngày 27/6/2018)

Cây trồng	Tên SVGH	GDST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	Số kỳ trước (+/-)	Số CKNT (+/-)	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng					
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	Các giai đoạn	3 - 10		283	3	0	286	0	15.0	185.0	176	Định Quán, Xuân Lộc, Tân Phú, TX Long Khánh, Trảng Bom, Vĩnh Cửu
	Bệnh loét	Các giai đoạn	5 - 7		45	0	0	45	0	3.0	45.0	115	Vĩnh Cửu, Tân Phú
	Nhện nhỏ	Các giai đoạn	5		40	0	0	40	0	-17.0	24.0	4	Định Quán, Tân Phú
	Sâu đục cành	Các giai đoạn	15		27	0	0	27	0	0.0	27.0	0	Định Quán
Chôm chôm	Rệp sáp	Trái-thu hoạch	5 - 13		173	0	0	173	0	-7.0	76.0	60	Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, TX Long Khánh, Trảng Bom
	Bệnh thối quả	Trái-thu hoạch	5		156	0	0	156	0	63.0	116.0	25	Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Trảng Bom
	Bệnh cháy mép lá	Trái-thu hoạch	10 - 12		111	2	0	113	0	-7.0	-7.0	35	Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom, Tân Phú
Chuối	Bệnh đốm lá VK	Các giai đoạn	10 - 21		92	6	0	98	0	4.0	-81.0	38	Trảng Bom, Thống Nhất
	Bệnh héo rũ Panama	Các giai đoạn	11		31	0	0	31	0	2.0	-98.0	30	Thống Nhất
	Bệnh chùn đọt VR	Các giai đoạn	18		27	0	0	27	0	0.0	12.0	19	Thống Nhất
Mãng cụt	Bệnh cháy gôm quả	Nuôi quả	3 - 5		30	0	0	30	0	0.0	30.0	0	TX Long Khánh
Mít	Bệnh thối quả	Nuôi quả	5		15	0	0	15	0	0.0	15.0	0	TX Long Khánh
Nhãn	Bệnh chồi rồng nhãn	Ra bông-trái non	7		35	0	0	35	0	0.0	7.0	10	Xuân Lộc
Sầu riêng	Bệnh cháy gôm	Các giai đoạn	3 - 10		413	0	0	413	0	16.0	252.0	157	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, TX Long Khánh, Tân Phú, Thống Nhất, Long Thành
	Bệnh cháy lá, chết đọt	Các giai đoạn	5 - 10		298	0	0	298	0	-4.0	219.0	105	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Thống Nhất, Tân Phú

	Bệnh thối trái	Các giai đoạn	2 - 10	186	0	0	186	0	0	186	0	0	0	28.0	0.0	106	Xuân Lộc, Tân Phú, Cẩm Mỹ, TX Long Khánh
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	15	117	0	0	117	0	0	117	0	0	-2.0	79.0	38	Cẩm Mỹ, Tân Phú	
	Bệnh bông hồng	Các giai đoạn	5 - 10	10	70	0	80	0	0	10	70	0	-10.0	30.0	8	TX Long Khánh, Thống Nhất	
Thanh	Bệnh đốm nâu	Các giai đoạn	10	69	19	4	92	0	0	20	19	4	0.0	3.0	30	Trảng Bom, Xuân Lộc	
Long	Kiến	Các giai đoạn	5	5	1	0	6	0	0		1	0	1.0	2.0	0	Trảng Bom	
	Ruồi đục quả	Trái-thu hoạch	3	2	0	0	2	0	0		0	0	1.0	-2.0	0	Trảng Bom	
Xoài	Bệnh than thư	Nuôi trái-TH	5	141	0	0	141	0	0		0	0	106.0	115.0	0	Định Quán	
	Bệnh cháy lá	Sau thu hoạch	6	30	0	0	30	0	0		0	0	0.0	30.0	100	Vĩnh Cửu	
Ca cao	Bộ xit muối non	Ra lộc, bông, trái	10 - 17	37	0	0	37	0	0		0	0	-1.0	19.0	35	Thống Nhất, Trảng Bom	
	Bệnh vết sọc đen	Các giai đoạn	6	21	0	0	21	0	0		0	0	2.0	12.0	21	Thống Nhất	
Ca phê	Bệnh gỉ sắt	Các giai đoạn	10 - 20	639	8	0	647	0	0		8	0	7.0	33.0	28	Cẩm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, Thống Nhất	
	Bệnh đốm mắt cua	Các giai đoạn	15	381	4	0	385	0	0		4	0	5.0	195.0	0	Cẩm Mỹ, Trảng Bom	
	Rệp sáp	Các giai đoạn	13 - 15	374	3	0	377	0	0		3	0	-58.0	31.0	130	Tân Phú, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom, TX Long Khánh	
	Bệnh khô cành	Các giai đoạn	13 - 15	201	15	0	216	0	0		15	0	7.0	-114.0	31	Cẩm Mỹ, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất	
Cao su	Bệnh phân trắng	Các giai đoạn	13	420	1	0	421	0	0		1	0	3.0	154.0	0	Cẩm Mỹ, Trảng Bom	
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	10 - 20	349	1	0	350	0	0		1	0	-4.0	242.0	209	Tân Phú, Cẩm Mỹ, Long Thành, Thống Nhất, Trảng Bom	
Điều	Sâu đục thân, cành	Các giai đoạn	8 - 11	359	2	0	361	0	0		2	0	-49.0	201.0	25	Cẩm Mỹ, Định Quán, Trảng Bom, Thống Nhất	
	Bệnh nám hồng	Các giai đoạn	15 - 16	92	0	0	92	0	0		0	0	2.0	42.0	0	Cẩm Mỹ, Định Quán	
	Bệnh than thư	Các giai đoạn	5 - 12	70	8	0	78	0	0		8	0	-4.0	4.0	25	Trảng Bom, Thống Nhất	
	Bộ xit muối	Các giai đoạn	10 - 13	58	6	0	64	0	0		6	0	-2.0	9.0	23	Trảng Bom, Thống Nhất	
Hồ tiêu	Bệnh than thư	Các giai đoạn	5 - 7	985	47	0	1032	0	0		47	0	64.0	295.0	99	Cẩm Mỹ, Trảng Bom, Xuân	

													Lộc, Định Quán, Thống Nhất, Long Thành, Tân Phú
	Bệnh chết chậm	Các giai đoạn	3 - 10	15	740	129	4	873	0	7.0	304.0	94	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, TX Long Khánh, Tân Phú, Thống Nhất, Định Quán
	Rệp sáp	Các giai đoạn	5 - 10	15 - 22	632	23	1	656	0	-1.0	418.0	37	Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Trảng Bom, Tân Phú, Định Quán, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Bệnh tuyến trùng	Các giai đoạn	5 - 10	22	477	48	4	529	0	2.0	-351.0	110	Xuân Lộc, Trảng Bom, TX Long Khánh, Thống Nhất
	Bệnh chết nhanh	Các giai đoạn	2 - 8	4	164	9	2	175	0	-2.0	93.0	55	Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom, Tân Phú
	Bọ xít lười	Các giai đoạn	4 - 15		58	0	0	58	0	13.0	-2.0	13	Cẩm Mỹ, Tân Phú, Thống Nhất
Mía	Bệnh rỉ sắt	Các giai đoạn	15		6	0	0	6	0	0.0	2.0	0	Trảng Bom
	Sâu đục thân	Các giai đoạn	10		4	0	0	4	0	0.0	0.0	0	Trảng Bom
Sắn (Mi)	Bọ phấn	Các giai đoạn	5		544	0	0	544	0	371.0	544.0	0	Long Thành
	Khảm lá virus	25 đến 30 ngày	10	80	3	0	2	5	0	5.0	5.0	0	Định Quán
	Bệnh vi khuẩn	Các giai đoạn	5		3	0	0	3	0	0.0	-32.0	0	Trảng Bom
Keo	Bệnh chết héo	2 năm	.5		10	0	0	10	0	0.0	10.0	0	Nhon Trạch
Ngô (Bắp)	Sâu đục thân, bắp	Loa kèn-trở cờ	5 - 15		73	0	0	73	0	29.0	26.0	49	Xuân Lộc, Định Quán, Thống Nhất
	Đom lá nhỏ	loa kèn	15		25	0	0	25	0	25.0	-58.0	0	Long Thành
	Sâu xám	cây con	5		21	0	0	21	0	-36.0	-10.0	4	Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom
Lúa	Bệnh đạo ôn lá	Đẻ nhánh làm đòng	5 - 10		1012	0	0	1012	0	510.0	-147.0	741	Nhon Trạch, Tân Phú, Định Quán, Xuân Lộc, Long Thành, Cẩm Mỹ, TX Long Khánh, Vĩnh Cửu, Thống Nhất, Trảng Bom, TP Biên Hòa
	Bệnh bạc lá (cháy bìa)	Đẻ nhánh làm đòng	5 - 20		377	0	0	377	0	121.0	312.0	374	Xuân Lộc, Nhon Trạch, Tân Phú, Long Thành, Vĩnh Cửu, TX Long Khánh, TP Biên Hòa

	Ốc bươu vàng	Mạ-đẻ nhánh-làm đòng	1 - 5		182	3	0	185	0	-64.0	15.0	53	Trảng Bom, Định Quán, Tân Phú, Thống Nhất
	Sâu cuốn lá nhỏ	Mạ-đẻ nhánh-làm đòng	1 - 35		178	0	0	178	0	22.0	43.0	104	Tân Phú, Định Quán, Nhơn Trạch, TX Long Khánh, Cẩm Mỹ, TP Biên Hòa
	Chuột	Mạ-đẻ nhánh-làm đòng	3 - 5		130	0	0	130	0	30.0	-10.0	1075	Nhơn Trạch, Long Thành, Tân Phú
	Bệnh khô vằn	Mạ-đẻ nhánh-làm đòng	5 - 10		45	0	0	45	0	-26.0	-23.0	100	Tân Phú, Vĩnh Cửu
	Bọ xít đen	Mạ-đẻ nhánh-làm đòng	10		42	0	0	42	0	42.0	42.0	42	Long Thành
	Rầy nâu	Mạ-đẻ nhánh-làm đòng	120 - 1000		31	0	0	31	0	2.0	-3.0	25	Thống Nhất, Tân Phú, Trảng Bom, TP Biên Hòa
	Bọ trĩ (bù lạch)	Mạ-đẻ nhánh-làm đòng	7 - 10		30	0	0	30	0	-10.0	24.0	25	Tân Phú, Trảng Bom
Bầu bí	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5 - 20	30	14	1	0	15	0	10.0	14.0	15	Long Thành, Nhơn Trạch
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5- 10	20	9	1	0	10	0	5.0	7.0	10	Long Thành, Nhơn Trạch
	Dòi đục lá	Các giai đoạn	15		5	0	0	5	0	0.0	5.0	0	Long Thành
	Bọ dưa	Các giai đoạn			3	0	0	3	0	0.0	3.0	2	Thống Nhất
	Bọ phấn	Các giai đoạn			3	0	0	3	0	0.0	3.0	3	Thống Nhất
	Sâu khoang (ăn tạp)	Các giai đoạn	5		3	0	0	3	0	1.0	3.0	1	Nhơn Trạch
Dưa chuột (dưa leo)	Bệnh giả sương mai	Các giai đoạn	5 - 10	20	12	3	0	15	0	3.0	15.0	4	Trảng Bom, Nhơn Trạch
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn	5		8	0	0	8	0	8.0	8.0	8	Long Thành
Mướp đắng (khổ qua)	Bệnh đốm vàng	Các giai đoạn	15		12	2	0	14	0	-3.0	-3.0	0	Trảng Bom
	Ruồi đục quả	Các giai đoạn	5 - 10	25	5.5	3.5	0	9	0	0.0	-2.0	6	Nhơn Trạch, Trảng Bom
	Sâu ăn lá	Các giai đoạn	5		7	0	0	7	0	7.0	4.0	0	Long Thành
Rau cải ăn lá	Bọ nhảy	Các giai đoạn	1 - 22		12.3	0.5	0	12.8	0	-2.7	-8.2	8.8	Tân Phú, Trảng Bom, Thống Nhất, TP Biên Hòa
	Sâu xanh bướm trắng	Các giai đoạn	5 - 20		7	0	0	7	0	5.0	4.0	10	Vĩnh Cửu, Nhơn Trạch
	Bệnh héo xanh	Các giai đoạn	3 - 5	10	6	0	0	6	0	0.0	5.0	4	Tân Phú, Nhơn Trạch